

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 / 02 / 2018
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;
2. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HN ngày 31 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1987, địa chỉ: tổ 07, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, địa chỉ: tổ 10, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà Ph có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bà và ông T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Vĩnh Ngươn năm 2009, thời gian ban đầu vợ chồng hạnh phúc có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tú X, sinh ngày 23/5/2009, đến năm 2010 bà và ông T không hợp nhau, ông T về gia đình cha mẹ ruột ở, từ đó vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Toàn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Toàn do mẹ ruột ông là bà Nguyễn Thị Nh nhận thay. Bà Nh cho biết đã nhận Thông báo thụ lý số 360/TB-TLVA ngày 10/10/2017, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 575/TB-TA ngày 30/10/2017 và số 637/TB-TA ngày 30/11/2017 của Tòa án và có thông báo lại cho ông T về thời gian và địa điểm trong Thông báo, ông T biết những văn bản tổng đạt của Tòa án.

Ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Ph giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, việc xét xử vắng mặt ông T là đảm bảo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào biên bản xác minh tại Công an phường Vĩnh Nguơn, Hội liên hiệp phụ nữ phường Vĩnh Nguơn và xác minh của bà Nguyễn Thị Nh. Nhận thấy vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thế nhưng bà Ph và ông T đã ly thân từ năm 2012 cho thấy hôn nhân giữa bà Ph, ông T thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy việc bà Ph yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T (cư trú tổ 10, khóm Vĩnh Chánh 2, phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc). Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân:* Bà Ph và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Vĩnh Nguơn, thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc, tỉnh An Giang nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà Ph cho rằng đã sống ly thân với ông T từ năm 2010, vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn. Theo kết quả xác minh ngày 21/11/2017 của Hội Liên hiệp phụ nữ phường Vĩnh Nguơn cho biết do bà Ph và ông T không sống chung với nhau quá lâu nên các hộ lân cận không biết mâu thuẫn giữa vợ chồng, hiện nay vợ chồng không sống chung với nhau. Lời khai bà Nguyễn Thị Nh là mẹ ruột ông T xác định: Sau khi kết hôn thì ông T sống bên vợ do mâu thuẫn về kinh tế và hay cãi vã nhau nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, Ph cũng không còn tới lui gia đình chồng. Hiện nay ông T đi làm ăn xa không có ở địa phương. T và Ph có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tú X, sinh năm 2009 đang sống chung với mẹ cháu là bà Ph.

Xét thấy, thấy vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thế nhưng, do bất đồng quan điểm sống, ông T về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2012 và không tới lui chăm sóc vợ con, cho thấy hôn nhân giữa bà Ph, ông T khó hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó việc bà Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2] *Về nuôi con chung:* Bà Ph và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tú X, sinh ngày 23/5/2009, bà Ph yêu cầu được nuôi dạy cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu X thì cháu có nguyện vọng

chung sống cùng với mẹ vì cháu đã sống chung với mẹ từ nhỏ. Yêu cầu của bà Ph phù hợp với nguyện vọng của cháu X, xét chấp nhận.

Bà Ph cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Ph không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp, bà Ph không phải nộp thêm án phí.

Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 266, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ph ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ph được nuôi con chung Nguyễn Thị Tú X, sinh ngày 23/5/2009; ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Ph cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/0014797 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, bà Ph đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Ph có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc